

ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH VĂN HÓA VÕ BÌNH ĐỊNH

TRẦN THỊ HUYỀN TRANG *

Tóm tắt: Bình Định là mảnh đất có lịch sử lâu đời, có văn hóa võ đặc sắc. Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn đã đưa võ phát triển tới đỉnh cao, hòa vào máu thịt, vào tinh thần của người dân, trở thành bản sắc văn hóa. Văn hóa võ Bình Định hình thành trong những điều kiện nhất định. Bài viết phân tích điều kiện về địa lý tự nhiên, nguồn gốc dân cư, xã hội góp phần hình thành văn hóa võ Bình Định.

Từ khóa: Võ cổ truyền; văn hóa võ; Bình Định; Quy Nhơn.

1. Mở đầu

Trong lịch sử Việt Nam nhất là trong giai đoạn trung, cận đại, Bình Định có vị thế đặc biệt. Vùng này xưa vốn thuộc đất Việt Thường Thị, sau đổi là Lâm Ấp. Khi đất Lâm Ấp trở thành vương quốc Chiêm Thành thì nơi đây là châu Vijaya. Trong châu có thành Đồ Bàn (hay Chà Bàn), đó là kinh đô Chiêm Thành suốt năm thế kỷ (X - XV). Giữa thế kỷ XV, vua Chiêm Trà Toàn nhiều lần đem quân đánh lấn vùng Châu Hoá, biên thủy phía nam Đại Việt. Vua Lê Thánh Tông phải đích thân cầm binh đánh dẹp, năm 1471 giải tỏa kinh thành Đồ Bàn, lấy núi Thạch Bi phân ranh giới với Chiêm Thành, sáp nhập châu Vijaya vào lãnh thổ Đại Việt, đặt làm phủ Hoài Nhơn thuộc đạo Quảng Nam. Vùng đất này suốt thời Trịnh Nguyễn phân tranh là phủ Quy Nhơn, nơi phát tích phong trào nông dân Tây Sơn, rồi trở thành kinh đô của vương triều Tây Sơn (của Nguyễn Nhạc), đến năm 1832 mới trở thành tỉnh Bình Định do chủ trương của

vua Minh Mạng. Nếu tính từ 1471 đến nay, Bình Định đã có 543 năm. Trải qua bao biến thiên lịch sử, võ Bình Định không ngừng sàng lọc, nâng cao, trở thành một nét văn hóa đặc sắc, ảnh hưởng mạnh mẽ đến các thành tố văn hóa khác (văn học dân gian, văn học viết, lễ hội, phong tục, sinh hoạt, y thuật...). Văn hóa võ thấm sâu trong đời sống cư dân Bình Định. Vậy, điều kiện gì đã khiến Bình Định trở thành nơi hội tụ và thăng hoa của văn hóa võ?

2. Điều kiện địa lý tự nhiên

Bình Định là một tỉnh duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông. Với bờ biển dài 134 km, Bình Định có vị thế khá quan trọng ở Đông Dương vì án ngữ cửa ngõ đi ra phía Đông của các vùng Tây Nguyên, Đông Bắc Campuchia và Hạ Lào.

Bình Định có diện tích tự nhiên là

(*) Thạc sĩ, Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Định.

6.039 km², tuy không rộng nhưng hội đủ các địa hình miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển, hải đảo. Từ phía Tây nhìn xuống, Bình Định có núi tiếp núi hùng vĩ, có ba dòng sông lớn (sông Côn, sông La Tinh, sông Lại). Nơi các dòng sông gặp biển Đông hình thành nhiều cửa cảng tiềm năng như cửa An Dũ huyện Hoài Nhơn, cửa Cách Thử huyện Phù Cát, cửa Gò Bồi huyện Tuy Phước và cảng biển nước sâu Thị Nại (cảng Quy Nhơn ngày nay). Đặc biệt, Thị Nại là một cảng biển chiến lược cả về quân sự lẫn kinh tế. Tại đây từng diễn ra những trận quyết chiến lịch sử giữa Lý Thường Kiệt, Trần Duệ Tông với các vua Chiêm, giữa quân Nguyễn Ánh với quân Tây Sơn cũng như các hoạt động mua bán giữa người Việt với các thương gia ngoại quốc (Hà Lan, Anh, Pháp, Hoa, Nhật) từ các thế kỷ XVI, XVII, XVIII. Theo sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, vào thế kỷ XVIII, phủ Quy Nhơn có số thuyền cao nhất so với các phủ khác của Đàng Trong; năm 1768, nhà Nguyễn huy động phương tiện chở thóc gạo ra Thuận Hóa, 12 phủ từ Triệu Phong vào Gia Định cung cấp 447 chiếc thuyền, thì riêng phủ Quy Nhơn đã góp 93 chiếc⁽¹⁾. Điều đó chứng tỏ giao thông đường thủy rất phát triển và trở thành lựa chọn ưu tiên của đa số lưu dân từ các vùng đất khác khi tìm đến Bình Định.

Địa hình với nhiều núi non, hang động, trũng rừng là một trong những yếu tố đặc địa đối với các hoạt động

quân sự và luyện võ, nhất là thời phong kiến. Theo Phan Huy Chú, tác giả *Lịch triều hiến chương loại chí*, vùng Bình Định xưa có nhiều ngựa, nguồn vật lực quan trọng đối với giao thông lẫn chiến tranh: “Ngựa sinh ra ở trong hang núi, có từng đàn đến trăm nghìn con, người thô trước đi chợ, cưỡi ngựa là thường”⁽²⁾. Đó cũng là cơ sở hình thành hoạt động bưu trạm với phương tiện đi lại là ngựa để bảo đảm thông tin liên lạc. Các bưu trạm Bình Dương, Phú Phong, phủ Quy Nhơn (Bình Định) có vị trí trọng yếu trong tuyến truyền tin cả nước, vì nó vừa là một trong các trung tâm kinh tế - chính trị quan trọng, vừa tọa lạc trên những tuyến giao thông huyết mạch với hai tuyến đường bộ là thượng đạo và hạ đạo. Điều đó tạo cho Bình Định ưu thế giao lưu và hội tụ, ảnh hưởng tích cực đến quá trình phát triển của văn hóa, trong đó có văn hóa võ.

Điều kiện địa lý tự nhiên đã góp phần hình thành các thú tiêu khiển mãnh liệt của người dân nơi đây. Về trò vui có săn thú, phóng lao, bắn tên, đấu võ, xô cỗ nhơn... Về hát xướng có kể vè, hát hò, hô bài chòi, hát bội, chèo bả trạo. Các loại hình sân khấu dân gian, đặc biệt là hát bội, được người dân hết sức ưa chuộng. Giữa các sinh hoạt dân gian phong phú, đặc biệt có hẳn một lễ hội võ

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, t.1, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.117 - 241.

⁽²⁾ Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.1, *Dư địa chí*, Nxb Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh, tr.168.

thuật, đó là lễ đồ giàn vô cùng sôi động. Võ len lỏi vào cả những chốn tưởng chừng không cần đến võ như không gian tôn giáo. Những ngôi chùa danh tiếng của Bình Định được ghi vào *Đại Nam nhất thống chí* như Nhạn Sơn, Linh Phong, Thập Tháp đều ẩn tàng nhiều bậc chân sư võ nghệ siêu phàm. Hai pho tượng Ông Đen, Ông Đỏ thờ tại chùa Nhạn Sơn tương truyền là hiện thân của hai võ tướng Việt và Chăm. Thập Tháp Di Đà tự từng là chốn ẩn thân của một số võ nhân của phong trào Cần Vương Bình Định sau khi trút áo nghĩa binh. Chùa Linh Phong gắn liền với truyền thuyết Ông Núi, một võ nhân - chân sư được vua Minh Mệnh ban sắc tứ ghi công. Chùa Long Phước - một trong những trung tâm võ thuật lừng danh hiện nay mà dân gian hay gọi là võ chùa, thừa truyền từ một vị tướng Tây Sơn tên là Nguyễn Trung Như ẩn tu tại chùa sau khi Nhà Tây Sơn bị diệt vong.

3. Điều kiện nguồn gốc dân cư

Những cư dân xa xưa nhất của Bình Định có nguồn gốc từ các dân tộc Malayo - Polynésien vùng Nam Đảo. Để tránh các cơn địa chấn dữ dội, họ phải tìm cách vào đất liền: “Các dân tộc Malayo - Polynésien đã từ các đảo phía Nam đến, trước tiên đổ vào dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ hiện nay... Trong số đó riêng người Chăm đã phát triển thành một vương quốc hùng mạnh, và ép các dân tộc ở cạnh mình ra, buộc họ phải tìm cách tràn lên vùng đất cao phía tây”⁽³⁾. Theo đó, các sắc dân

Bahnar, Chăm H'roi, H're sống ở vùng núi Bình Định là hậu duệ của nhóm người Gia Rai di trú dọc đèo An Khê (xưa kia là Tây Sơn thượng đạo) rồi dần dần trở thành người bản địa, du canh du cư trong các dãy núi ăn sâu vào địa phận Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân.

Với tập quán du canh du cư, việc khai hoang của các cư dân bản địa hầu như diễn ra thường xuyên trong quá trình sinh tồn của họ. Vùng rừng núi thuộc phủ Quy Nhơn nổi tiếng nhiều voi, ngựa, cọp và heo rừng. Người khai hoang phải học cách phòng tránh hoặc đánh trả khi bị dã thú tấn công. Những thế võ sơ khai đã nảy sinh trong hoàn cảnh đó. Các khí cụ như đá, nỏ, chông được chế tác từ vật liệu thiên nhiên sẵn có, tiến dần tới các loại vật dụng có gắn lưỡi kim loại sắt, đồng vừa là công cụ sản xuất, vừa là vũ khí phòng thân như giáo, lao, rìu, búa, cung tên...

Mặt khác, phủ Hoài Nhơn trước đó không lâu là kinh đô Đồ Bàn, trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa, đương nhiên cũng là trung tâm võ thuật của vương quốc Chiêm Thành. Do đó, không loại trừ khả năng có một gia tài võ thuật Chiêm Thành vẫn còn tàng ẩn trong các cư dân Chăm không chịu rút vào Nam, dạt lên sống trà trộn cùng với các sắc dân miền núi Bình Định sau sự kiện 1471.

⁽³⁾ Nguyễn Trắc Dĩ (1970), *Đồng bào các sắc tộc thiểu số ở Việt Nam, nguồn gốc và phong tục*, Bộ Phát triển sắc tộc xuất bản, Sài Gòn, tr.38.

Thời phong kiến, Bình Định đã tiếp nhận hai đợt di dân lớn. Đợt thứ nhất diễn ra dưới thời Lê. Triều đình điều động một số võ quan và các cánh quân đến đây trấn nhậm, đồng thời đưa các phạm nhân tới vùng đất mới. Theo nhà sử học Ngô Sĩ Liên, sắc chỉ của vua định rõ: “Các tù tội lưu; lưu châu gần sung vệ Thăng Hoa, lưu châu ngoài sung vệ Tư Nghĩa, lưu châu xa thì sung vệ ở Hoài Nhơn, kẻ nào được tha tội chết cũng sung quân ở vệ Hoài Nhơn”⁽⁴⁾. Bình Định trở thành nơi hội tụ của nhiều luồng cư dân mới bao gồm dân nghèo di cư đến từ miền ngoài, chủ yếu từ vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh, những phạm nhân lãnh án lưu đày biệt xứ. Vị trí của miền đất biên viễn khiến cho Bình Định buổi đầu (phủ Hoài Nhơn) ngổn ngang bất trắc, các cư dân cũ hoặc mới của vùng đất đều phải căng mình để tồn tại. Các cư dân bản địa tuy đã quen thung thỏ nhưng lại ở thế phụ thuộc về chính trị, còn những đoàn người mới đến thì phải vừa khai phá, vừa tìm cách thích nghi với vùng đất xa lạ và hòa hợp với cư dân bản địa. Hoàn cảnh lịch sử và sự đa dạng trong thành phần dân cư ở vùng đất mới đã khiến các bên dọn sẵn tâm lý đối đầu và phòng vệ, đó là một nguyên nhân buộc họ phải học võ và dùng võ.

Đợt di dân thứ hai diễn ra thời các chúa Nguyễn. Năm 1648, quân Nguyễn đánh thắng quân Trịnh, bắt hơn 3 vạn tù binh, Nguyễn Phúc Lan tha cho hơn 60 người về Bắc, số còn lại chia về các nơi thuộc Đàng Trong⁽⁵⁾. Ít lâu sau, Nguyễn

Phúc Tần đánh ra Nghệ An, bắt dân vùng sông Lam vào Nam bổ sung cho lực lượng lao động ở Đàng Trong, trong số đó có tổ tiên của Nguyễn Huệ (vốn dòng họ Hồ ở Nghệ An), họ được đưa tới vùng An Khê thuộc phủ Quy Ninh (tức Quy Nhơn) để lập ấp Tây Sơn Thượng. Việc này được kể lại khá thống nhất trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*. Không ai có thể ngờ rằng, từ một gia tộc nhỏ trong luồng di dân này, rồi đây sẽ xuất hiện những nhân vật quan trọng lãnh đạo phong trào khởi nghĩa Tây Sơn và đưa võ Bình Định phát triển đến đỉnh cao.

Ngoài ra, dân cư Bình Định còn được bổ sung bởi một luồng di dân người Hoa tỵ nạn trong khoảng thời gian cuối thế kỷ XVII sang đầu thế kỷ XVIII. “Phần lớn họ là Minh dân lưu vong, nằm trong các tổ chức hội kín (Thiên Địa hội), ít chịu dung hợp với chính quyền”⁽⁶⁾. Hiện tượng trên bắt nguồn từ một sự kiện chính trị ở Trung Hoa hồi bấy giờ: các tổ chức phản Thanh phục Minh bị triều đình nhà Thanh đàn áp, những người trốn thoát đã phải đưa gia đình, dòng tộc vượt biển để tìm đường sống. Nhìn từ

⁽⁴⁾ Ngô Sĩ Liên (1971), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.238.

⁽⁵⁾ Sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sử học, Hà Nội, tr.78.

⁽⁶⁾ Tạ Chí Đại Trường (2013), *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802*, Công ty Văn hóa và truyền thông Nhã Nam và Nxb Tri thức liên kết xuất bản, Hà Nội, tr.53.

hoàn cảnh xuất phát cũng như hành trình gian lao mà họ phải vượt qua để sống, có thể thấy được phần nào bản lĩnh võ nghệ của họ. Việc có hẳn một đạo quân người Hoa trong quân đội Tây Sơn, do Lý Tài và Tập Đình chỉ huy, cho thấy cộng đồng người Hoa tại phủ Quy Nhơn và các vùng lân cận sinh cư trước thời điểm Tây Sơn khởi nghĩa khá lâu, vì như thế họ mới có thể tham gia các sự kiện chính trị trên vùng đất này.

Cũng từ luồng di dân này lần lượt xuất hiện các nhân tài được dân gian lưu danh với tư cách là danh sư hoặc người sáng lập các dòng võ nổi tiếng tại Bình Định như Diệp Đình Tông (sư phụ của Trần Quang Diệu), Diệp Trường Phát (tổ sư sáng lập dòng võ An Thái, sau đổi là Bình Thái đạo), Lý Hùng (tổ sư sáng lập dòng võ Lý Gia ở Đập Đá)...

Quá trình hình thành dân cư cũng là quá trình hội tụ các luồng văn hóa trên đất Bình Định. Trong quá trình đó, văn hóa Bình Định nói chung, võ Bình Định nói riêng, được hình thành trên cơ sở tích hợp và chọn lọc từ vốn liếng văn hóa của các nguồn cư dân cũ, mới. Võ Bình Định buổi đầu là tập hợp võ của các cư dân bản địa, võ của nguồn lưu dân Việt từ phía Bắc vào và võ Trung Hoa.

4. Điều kiện xã hội

Dưới thời Lê, phủ Hoài Nhơn (Bình Định thời kỳ đầu 1471-1602) suốt thời gian dài là đất biên thùy, phen giậu phía Nam, có nhiều thử thách và bất trắc, vì thế việc luyện võ trở thành nhu cầu thiết

yếu của mọi người, từ tướng lĩnh cho đến thường dân.

Sau đó, khi vùng đất biên viễn này trở thành khu vực tương đối trung tâm của Đàng Trong dưới một chính quyền khá quy mô, phủ Quy Nhơn cũng có không ít vấn đề khác nảy sinh khiến nơi đây tiếp tục lấy võ làm điểm tựa.

Với thiên hướng và năng lực chính trị nhà nòi, Nguyễn Hoàng và các đời chúa Nguyễn kế tiếp ông đã biến phủ Quy Nhơn từ nơi trấn biên hẻo lánh thành bàn đạp, mở rộng đất cai trị, xác lập một hệ thống nhà nước tồn tại song song với triều đình vua Lê chúa Trịnh tại Thăng Long (lịch sử gọi là Đàng Trong để phân biệt với Đàng Ngoài). Năm 1627, chính thức bước vào thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, xứ Quảng Nam, trong đó có phủ Quy Nhơn, đã là vùng trọng yếu của Đàng Trong.

Trong suốt hai thế kỷ đương đầu với họ Trịnh ở Đàng Ngoài, để thực hiện mục đích chính trị của mình, các chúa Nguyễn đã tổ chức cai trị Đàng Trong trên nền tảng quân sự. Thích Đại Sán, nhà sư Trung Hoa đến Đàng Trong từ năm 1694, kể lại trong *Hải ngoại kỷ sự*: “Mỗi năm vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân nhân đi qua các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên... để giải về phủ sung quân... Tuổi chưa đến 60 chẳng được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ”⁽⁷⁾.

⁽⁷⁾ Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.76.

Vachet, một giáo sĩ phương Tây có mặt ở Đàng Trong vào thập niên bảy mươi thế kỷ XVII, ghi lại: “Kẻ tìm cách trốn lính sẽ mất đầu”⁽⁸⁾. Không chỉ vậy, chế độ luyện quân cũng nghiêm khắc đến độ chém lính vì một lỗi nhỏ là chuyện thường ngày. Nguyễn Hữu Tiến thường luyện quân ban đêm khiến binh lính mệt mỏi, nhưng hề phát hiện có một người chênh mảng thì lập tức người cầm cờ của đội đó bị chém đầu. Có người đem việc bẩm với chúa xin trị tội Nguyễn Hữu Tiến. Chúa nói: “Bình không đều thì giết còn tội gì?”, và thăng cấp cho Nguyễn Hữu Tiến⁽⁹⁾. Ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài do bộ máy cai trị thiên về quân sự và mục đích chính trị mà họ Nguyễn theo đuổi vô hình trung đề cao vai trò của các quan võ trong chính quyền, kích thích tinh thần chuộng võ trong toàn xã hội. Trong lịch sử của Đàng Trong, tầng lớp cai trị gồm chủ yếu các quan võ. Các quan văn không được coi trọng như các quan võ. Những người đỗ đạt qua các khoa thi ở Đàng Trong cũng chỉ làm thư ký hay phụ tá cho các võ quan cho tới thế kỷ XVIII. Quan điểm trọng võ khinh văn, cùng với thói quen dùng sức mạnh để trấn áp và giải quyết những vấn đề phức tạp trong đời sống xã hội của tầng lớp thống trị là tác nhân quan trọng hình thành lối ứng xử thượng tôn võ thuật.

Tài nguyên dồi dào và sự phát triển thương nghiệp khá sớm làm cho phủ Quy Nhơn (Bình Định) thời Trịnh – Nguyễn trở thành một xứ sở giàu có.

Chính quyền nhà Nguyễn đòi hỏi nơi đây sự cung ứng quá lớn về mọi mặt cho cuộc chiến tranh chống Trịnh. Điều đó vô hình trung đã biến Quy Nhơn thành điểm chịu lực. Nạn vor vét, những lạm và thuế khóa tại Quy Nhơn đã đẩy nhanh quá trình phân cực giàu nghèo nơi đây, dẫn đến nạn trộm cướp và các cuộc bạo động xảy ra liên miên. Giữa một xã hội loạn lạc, cho dù là kẻ cướp hay nạn nhân, nhà cầm quyền hay người dân, tất thấy đều cần đến võ.

Trong những luồng dân cư hội tụ về Bình Định sau thời điểm 1471 cho đến thế kỷ XVIII, phần lớn họ là bị lưu đày hay bị dồn đuổi, phiêu bạt, có tâm tư chất nặng phần uất và tiềm tàng tinh thần phản kháng. Sự nổi dậy của nông dân Bình Định thế kỷ XVIII là tất yếu trong một xã hội bị nung đốt bởi lẽ lối cai trị bóc lột và bạo lực. Trộm cướp, giặc giã là cách ám chỉ của các sử gia và quan lại triều Nguyễn khi nói tới lực lượng đối kháng với triều đình.

Có thể nói, không phải đám trộm cướp nào thời bấy giờ cũng nêu được lý tưởng, thu phục nhân tâm. Nhiều người chỉ vì nghèo đói mà thành kẻ cướp. Các thủ lĩnh khởi nghĩa Trùng Mây (như Chàng Lía, Cha Hồ, Chú Nhẫn) hay một số tướng lĩnh Tây Sơn như (Nguyễn Văn Tuyết, Võ Văn Dũng) đều từng là thảo khấu trước khi gia nhập một tổ

⁽⁸⁾ *Sđd*, tr.76.

⁽⁹⁾ Sử quán triều Nguyễn (1962), *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sử học, Hà Nội, tr.21.

chức khởi nghĩa. Khoảng cách giữa kẻ cướp và người lương thiện, kẻ cướp và anh hùng rất mỏng manh. Phán xét về họ không đơn giản. Bản chất vấn đề ở chỗ, tác hại của hành động cướp bóc do các “kẻ cướp” này gây ra không hướng về phía dân nghèo, mà nhằm trừng trị quan tham. Các truyện kể và các bản về về chàng Lía (một anh hùng nông dân đất Bình Định) cho biết Lía nổi dậy “*để cờ lấy thóc cứu sinh linh nghèo*” (về *Chú Lía*). Theo các ghi chép của các nhà truyền giáo phương Tây có mặt tại Bình Định thời bấy giờ, thì những kẻ cướp Tây Sơn cũng làm như vậy và kết quả là họ được đông đảo dân chúng ủng hộ⁽¹⁰⁾. Cách làm đó hướng tới mục tiêu thực thi công bằng xã hội, cho nên không lạ gì khi nó được quần chúng nhiệt thành hưởng ứng.

Sự xuất hiện của các võ nhân xuất sắc có tâm, có tầm như Chàng Lía, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ở vai trò lãnh tụ phong trào đã chấm dứt tình trạng mất phương hướng trong giới võ bình dân, quy tụ nhân tâm, nêu cao võ đạo, hình thành một làn sóng võ hiệp cứu khốn phò nguy. Đất Quy Nhơn (Bình Định) với những mầm mống sẵn có đã đón bắt tinh thần đó và phát triển thành một thứ nội lực nung nấu.

Khi quân Xiêm và quân Thanh tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, phong trào Tây Sơn đã nhanh chóng trở thành cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền dân tộc. Mỗi khi đất nước lâm nguy, ý thức quật cường của

người Bình Định lại trỗi dậy mạnh mẽ. Sự hòa quyện giữa tinh thần võ hiệp với lòng yêu nước, kết tinh thành truyền thống thượng võ phóng khoáng và nghĩa hiệp mà kết tinh cao nhất là võ Tây Sơn hay võ Bình Định sau này được cả nước biết đến.

Thời kỳ Tây Sơn, võ thuật đạt đến cao trào trong ý nghĩa quật cường, thực hiện sứ mệnh cứu dân cứu nước. Hàng loạt võ nhân xuất sắc ở cương vị tướng lĩnh lãnh đạo nghĩa quân Tây Sơn đã lập nên những chiến công vang dội, lật đổ các tập đoàn phong kiến thối nát Trịnh - Nguyễn, đánh tan 5 vạn quân Xiêm, 29 vạn quân Thanh. Tên tuổi các võ nhân anh hùng của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn mà tiêu biểu là vị anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ đã đi vào lịch sử. Võ Tây Sơn không khép kín theo địa danh cụ thể, mà được hiểu là võ thuật của một vùng đất, một triều đại huy hoàng trong lịch sử Việt Nam.

Dưới thời Nguyễn, cho dù việc võ bị luôn được các vua đầu triều như Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị quan tâm, võ Bình Định vẫn là vùng cấm vận theo cách nhìn của nhà cầm quyền đối với “nguy địa” (đất giặc). Các đời vua Nguyễn giai đoạn đầu như Gia Long, Minh Mạng chủ trương tận diệt Nhà Tây Sơn, do đó võ thuật ở Bình Định, nhất là ở đất Tây Sơn, bị bóp nghẹt. Những người

⁽¹⁰⁾ Tập thể tác giả, *Phong trào nông dân Tây Sơn dưới mắt người nước ngoài*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình.

liên quan đến vua tôi, tướng lĩnh, nghĩa quân Tây Sơn đều bị bắt giết. Sử sách, tài liệu Tây Sơn bị đốt sạch. Mặc dù khoa thi Hương võ đầu tiên của triều Nguyễn tổ chức từ năm 1837 nhưng các khoa thi võ dưới triều Minh Mệnh chưa có người Bình Định nào (được phép) dự thi.

Năm 1846, cuối đời Thiệu Trị, tất cả quân nhân các hạt ở kinh cùng với nhân dân từ Quảng Bình trở vào Nam đều được phép dự thi Hương võ. Đây là một thay đổi vô cùng quan trọng. Về phía triều đình, chấp nhận cho dân Bình Định thi Hương võ như các tỉnh khác, cũng có nghĩa là dừng việc tính sổ đối với vùng phát tích của triều đại cũ. Về phía nhân dân Bình Định, bắt đầu thoát khỏi tâm lý bị đè nén và phân biệt đối xử. Quyết định này của Thiệu Trị đã mở ra thời kỳ phục hưng của võ Bình Định.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Bối cảnh mới đó đặt nhà Nguyễn trước nhiệm vụ hiệu triệu toàn dân bảo vệ đất nước. Để tập hợp các võ cử, võ sinh, vua Tự Đức cho phép tổ chức các trường luyện tập võ nghệ ở một số tỉnh có truyền thống võ học. Sách *Đại Nam thực lục* còn ghi lại việc này: “Chuẩn cho Bình Định và Hà Tĩnh đẩy mạnh thi võ cử và võ sinh (hơn 600) phân chia nuôi dưỡng luyện tập”. Việc vua Tự Đức cho lập Trường thi võ ở Bình Định năm 1867 cho thấy phong trào võ nơi đây đã phục hồi đủ mạnh để khẳng định vị thế trung tâm trong khu vực. Trường thi vừa mở, đất Bình Định xuất hiện hai võ tiến sĩ trong hai khoa

thi liên kê: Nguyễn Văn Tứ người huyện Tuy Phước và Đặng Đức Tuấn người huyện Phù Mỹ⁽¹¹⁾. Thực tế cho thấy, triều Nguyễn dù đàn áp, gieo rắc nỗi ám ảnh giết chóc lao tù trên vùng đất Tây Sơn khởi nghiệp, cũng chỉ hạn chế phạm vi ảnh hưởng chứ không thể làm lu mờ tiếng tăm võ thuật của đất này. Hiện nay tại xã Nhơn Lộc, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định vẫn còn di tích trường võ xây bằng đá ong dành cho việc đào tạo võ sinh từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận. Ngôi trường này tồn tại không lâu, nhưng sự hiện diện của nó đã khẳng định Bình Định là một vùng đất võ lâu đời, và trong thời gian hoạt động, nó cũng góp phần nhất định trong việc phát triển võ Bình Định.

Trong lịch sử, nhiều võ nhân Bình Định phải rời bỏ quê hương tìm đến một vùng đất khác với những lý do khác nhau. Trong số đó, nhiều người ra đi vì lý do chính trị, phổ biến nhất là các trường hợp có liên quan đến lực lượng Tây Sơn; không ít người vì lý do mưu sinh đã rời quê hương vào Nam hưởng ứng chủ trương khai hoang mở đất thời Nguyễn. Người sáng lập môn phái Tân Khánh - Bà Trà, đồng thời cũng là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tân Khánh chống bọn quan lại thối nát hơn mười năm ròng (1850 – 1862) tại Sông Bé, là bà Võ Thị Trà, con gái của một võ quan Tây Sơn theo cha vào Nam sau khi nhà Tây Sơn bị diệt vong. Môn phái võ do

⁽¹¹⁾ Nguyễn Thúy Nga (2003), *Võ cử và các võ tiến sĩ ở nước ta*, Nxb Thế giới, tr. 96-97.

bà sáng lập đã gắn liền tên bà với tên đất như một cách ghi ơn. Địa danh Bà Rịa cũng là tên của một phụ nữ Bình Định đưa dân nghèo vào khai hoang ở vùng Mô Xoài khoảng năm 1789. Bà là Nguyễn Thị Rịa. Bà rất giỏi võ và có tài tổ chức, từng xả thân đánh cọp cứu dân, mở trường mời thầy dạy học cho trẻ, còn đem gia tài của mình lập quỹ cứu tế để giúp đỡ người nghèo. Với những công đức to lớn đó, sau khi bà chết, dân lập đền thờ bà như một vị phúc thần và tên của bà đã trở thành tên đất. Cùng thời với Bà Trà, Bà Rịa, nhiều người Bình Định vào Nam lập nghiệp đã trở thành lãnh tụ các phong trào chống Pháp: lãnh tụ khởi nghĩa Đồng Tháp là Võ Duy Dương quê huyện An Nhơn - Bình Định; lãnh tụ khởi nghĩa Kiên Giang là Nguyễn Trung Trực, quê huyện Phù Mỹ - Bình Định; lãnh đạo khởi nghĩa Đá Bạc ở Phú Yên (tục gọi giặc Thầy chùa) là Võ Trứ người huyện Tuy Phước - Bình Định... Thời hiện đại, các võ sư Bình Định như Phan Chấn Thanh, Trần Hưng Quang, Xuân Bình, Hồ Hoa Huệ cũng nổi gót cha ông làm rạng danh võ Bình Định ở mọi miền đất nước. Có thể nói, võ thuật là tằm căn cước của người Bình Định, và các võ nhân Bình Định trên những bước đường dần thân lập nghiệp đã không ngừng cố gắng làm cho tằm căn cước tùy thân ấy trở thành một thứ “bia đá bằng vàng” trong tâm thức dân gian.

5. Kết luận

Trải qua các quá trình lịch sử, Bình Định trở thành nơi hội tụ các nhân tài võ

thuật trên khắp mọi vùng miền, không chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài. Vị thế địa - chính trị, địa - văn hóa của Bình Định trong mỗi giai đoạn lịch sử đều hàm chứa những nguyên nhân khách quan và chủ quan mang tính quy luật để vùng đất này trở thành đất võ.

Hiện nay, phong trào truyền bá võ Bình Định trong nước và trên thế giới ngày càng mạnh mẽ. Hầu hết các tỉnh, thành phía nam đều có võ đường dạy võ Bình Định, trong đó tập trung nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh. Các tỉnh có phong trào mạnh về võ cổ truyền Bình Định, có võ sư là thành viên Ban Chấp hành hoặc đứng đầu Ban Chấp hành Hội Võ thuật cổ truyền địa phương như: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh... Trên thế giới hiện nay, hơn 50 quốc gia có phong trào dạy võ cổ truyền Bình Định. Chỉ riêng con số đó cũng cho thấy, văn hóa võ thấm sâu trong tâm thức người Bình Định, dù đang ở trên mảnh đất cội nguồn hay sống ở nước ngoài. Trong đời sống đương đại, võ Bình Định được bạn bè quốc tế biết đến như một thành tố văn hóa đặc sắc của Việt Nam. Từ năm 2006 đến nay, festival quốc tế võ cổ truyền Việt Nam được tổ chức đều đặn hai năm một lần trên đất võ Bình Định với ý nghĩa về nguồn và giao lưu văn hóa. Đối với Bình Định, niềm vinh hạnh lớn lao đó đồng thời cũng là thử thách, đòi hỏi không ngừng nỗ lực để xứng đáng với truyền thống và phương danh Đất Võ.

